TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN DÂN NHÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Niềm**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Em**.

2. Ông **Nguyễn Đông Hà**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Quyền Trân** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Lan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị M**, sinh năm 1993;
ĐKTT: Ấp A, xã V9, huyện V, tỉnh Hậu Giang.
Chỗ ở hiện nay: Ấp V2, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp A, xã V9, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày: Tôi với anh N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới chúng tôi sống chung với bên chồng ở ấp 4, xã

Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, nên vợ chồng ly thân khoảng tháng 12/2017 đến nay.

Tôi nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Hồng N1 (nữ), sinh ngày 09/8/2016, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N1 sống chung với tôi. Khi ly hôn về con chung tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu anh N phải cấp dưỡng theo quy định pháp luật đến khi con tôi tròn 18 tuổi.

Về nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Minh N** quá trình giải quyết vụ án tại văn bản ngày 26/4/2018 trình bày: Thừa nhận nguyên đơn trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung đồng ý để chị M nuôi, tôi không đồng ý cấp dưỡng nuôi con do hiện tại tôi không có nghề nghiệp.

Về nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký là đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị với anh N được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng N1 (nữ), sinh ngày 09/8/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh N phải cấp dưỡng và chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh N đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai và đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015 tòa án xét xử vụ án vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho anh N theo quy định.

[2] Về thẩm quyền: Anh N có nơi cư trú tại ấp 4, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, nên căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị M với anh N tự nguyện chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Chị M cho rằng anh N không lo làm ăn, và vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N. Ông N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng đã thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hồng N1 (nữ), sinh ngày 09/8/2016 chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi, anh N cũng đồng ý nên cần tiếp tục giao cháu N1 cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị M có yêu cầu anh N cấp dưỡng theo quy định pháp luật, nhưng anh N cho rằng hiện tại anh không có nghề nghiệp nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, nên anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp bằng 50% mức lương tối thiểu hiện hành là 1.300.000đ x 1/2 = 650.000đồng mỗi tháng, cấp hàng tháng đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh N phải nộp án phí cấp dưỡng.

Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận cho chị Trương Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hồng N1 (nữ), sinh ngày 09/8/2016 cho chị M nuôi dưỡng, ông N phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp 650.000đồng/tháng, cấp hàng tháng, đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/6/2018). Dành quyền thăm, chăm sóc con chung cho ông N không ai được cản trở.

Về tài sản chung: và nợ chung: không có.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị M phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015739, ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành tiền án phí.

Án phí cấp dưỡng anh Nguyễn Minh N phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Niềm

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND Tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.